

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** B1.401**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 16/12/2020

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Nguyễn Đức	Trung	29/6/1997				
2	TA0002	Ninh Duy	Tuấn	08/3/1997				
3	TA0003	Nguyễn Ngọc	Khánh	12/06/1997				
4	TA0004	Tạ Đình	Thành	20/03/2000				
5	TA0005	Đào Duy	Dương	30/08/1998				
6	TA0006	Trần Hoàng	Anh	27/09/1998				
7	TA0007	Lê Tú	Tuyền	11/04/1998				
8	TA0008	Phí Hương	Thảo	26/07/1998				
9	TA0009	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	15/06/1998				
10	TA0010	Hoàng Thanh	Nga	05/05/1998				
11	TA0011	Đàm Thị Thu	Hà	04/08/1998				
12	TA0012	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	04/02/1998				
13	TA0013	Phạm Thị	Thảo	24/10/1998				
14	TA0014	Đặng Hà	Duyên	15/08/1998				
15	TA0015	Nguyễn Nam	Hải	27/05/1998				
16	TA0016	Nguyễn Đại	Dương	12/11/1997				
17	TA0017	Nguyễn Thị Hà	Thu	05/10/1997				
18	TA0018	Cao Minh	Tiến	29/4/1997				
19	TA0019	Vũ Hoàng	Khánh	25/11/1997				
20	TA0020	Cao Minh	Tiến	29/04/1997				
21	TA0021	Phạm Như	Hoàng	26/08/1998				
22	TA0022	Nguyễn Hoa	Phượng	29/11/1998				
23	TA0023	Hoàng Minh	Hiếu	06/07/1998				
24	TA0024	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/11/1998				
25	TA0025	Đào Tiến	Lâm	05/11/1998				
26	TA0026	Nguyễn Cẩm	Tú	22/08/1998				
27	TA0027	Nguyễn Đức	Hiển	24/7/1998				
28	TA0028	Lý Trần	Thiên	31/08/1998				
29	TA0029	Hà Thanh	Tùng	11/02/1998				
30	TA0030	Nguyễn Xuân	Duy	20/09/1998				
31	TA0031	Bùi Bình	Minh	26/11/1998				
32	TA0032	Trần Trọng	Nghĩa	16/06/1998				

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
33	TA0033	Trần Văn	Mạnh	17/03/1998				
34	TA0034	Đỗ Văn	Huy	1/1/1997				
35	TA0035	Đỗ Đức	Trọng	27/01/1998				
36	TA0036	Nguyễn Đức	Thành	21/06/1997				
37	TA0037	Bùi Việt	Long	16/12/1998				
38	TA0038	Cao Xuân	Hình	27/07/1997				
39	TA0039	Tô Ngọc	Huyền	16/5/1997				
40	TA0040	Mạc Văn	Quyền	13/01/1996				
41	TA0041	Đinh Việt	Phong	10/07/1997				
42	TA0042	Mai Quốc	Đạt	12/09/1997				
43	TA0043	Lê Ngọc	Minh	25/08/1998				
44	TA0044	Phùng Hà	Minh	1/1/1997				
45	TA0045	Lê Đình	Hải	9/10/1996				
46	TA0046	Nguyễn Hoàng	Anh	06/06/1997				
47	TA0047	Nguyễn Thành	Trung	25/10/1997				
48	TA0048	Phạm Phương	Nam	25/01/1997				
49	TA0049	Hà Duy	Linh	15/11/1997				
50	TA0050	Nguyễn Ngọc	Tú	17/07/1997				
51	TA0051	Trần Huy	Hoàng	09/01/1997				
52	TA0052	Phạm Anh	Đức	20/03/1999				
53	TA0053	Nguyễn Thị Hương	Linh	28/10/1999				
54	TA0054	Nguyễn Đình Ngọc	Lâm	13/10/1997				
55	TA0055	Nguyễn Hữu Tiến	Lâm	18/11/1996				
56	TA0056	Lê Văn Việt	Đạt	18/12/1998				
57	TA0057	Phạm Trung	Kiên	09/11/1996				
58	TA0058	Phan Tùng	Dương	21/06/19997				
59	TA0059	Phạm Trung	Hải	27/11/1998				
60	TA0060	Nguyễn Đình	Huy	10/12/1997				
61	TA0061	Nguyễn Thị	Thư	15/08/1997				
62	TA0062	Lê Ngọc	Minh	25/08/1998				
63	TA0063	Nguyễn Quang	Trung	02/01/1998				
64	TA0064	Trần Văn	Mạnh	17/03/1998				
65	TA0065	Trần Đỗ Ngọc	Nghĩa	16/08/1998				
66	TA0066	Nguyễn Ngọc	Nam	28/12/1998				
67	TA0067	Nguyễn Đăng	Tuấn	16/09/1998				
68	TA0068	Nguyễn Văn	Quang	16/02/1998				
69	TA0069	Nguyễn Văn	Dương	17/10/1998				
70	TA0070	Phùng Hà	Minh	04/05/1997				
71	TA0071	Trần Thị Mai	Lan	25/05/1998				

TT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
					Bảng số	Bảng chữ		
72	TA0072	Lê Diễm	Quỳnh	20/09/1998				
73	TA0073	Nguyễn Đức	Trí	03/01/1998				
74	TA0074	Trịnh Ngô Hoàng	Hải	11/04/1998				
75	TA0075	Đoàn Xuân	Khanh	22/03/1998				
76	TA0076	Phạm Như	Hoàng	26/08/1998				
77	TA0077	Ngô Hồng	Sơn	03/08/1998				
78	TA0078	Nguyễn Gia	Thắng	09/08/1998				
79	TA0079	Đào Ngọc Hương	Quỳnh	23/09/1997				
80	TA0080	Nguyễn Thiên	Nga	01/06/1998				
81	TA0081	Nguyễn Tuấn	Biên	20/6/1997				
82	TA0082	Nguyễn Hữu	Lợi	11/12/1997				
83	TA0083	Hoàng Quốc	Dũng	18/01/1998				
84	TA0084	Nguyễn Văn	Luận	24/11/1998				
85	TA0085	Hoàng Xuân	Huy	21/08/1998				
86	TA0086	Nguyễn Ngọc	Nam	28/12/1998				
87	TA0087	Nguyễn Trọng	Hùng	20/12/1997				
88	TA0088	Nguyễn Phú	Trọng	01/05/1997				
89	TA0089	Lê	Hoành	02/06/1997				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)